TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16/7/2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình.
2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư kY phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư kY Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 122/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1998;
Nơi cư trú: Tổ 3, ấp 4, xã B, huyện V, tỉnh Đ

2. *Bị đơn:* Ông Võ Tiến H, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp 4, xã B, huyện V, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện, Bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/6/2016. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc tới năm 2023 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách ngày càng khác biệt nên không còn quan tâm lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả lẫn nhau, gây gỗ, xúc phạm lẫn nhau, nhưng vì con nên bà cố gắng chịu đựng và hòa giải nhiều lần để vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng không được, bà và ông H ly thân từ năm 2023 đến nay. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Võ Nguyễn Tiến H1, sinh ngày 07/5/2017 và Võ Ngọc Như Y, sinh ngày 09/7/2020. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, bà đồng Y giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Hai bên không pH cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Võ Tiến H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Y kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư kY kể từ khi thụ lY vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lY vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà T và ông H trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

+ Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là Võ Nguyễn Tiến H1, sinh ngày 07/5/2017 và Võ Ngọc Như Y, sinh ngày 09/7/2020. Ly hôn, giao cháu Y cho bà Dương trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng;

+ Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Đương sự pH chịu theo quy định pháp luật.

+ Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông H cư trú tại xã B, huyện V, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lY do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng kY kết hôn có Giấy chứng nhận kết hôn năm 2016. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà T khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H xảy ra từ năm 2023 đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông H vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông H không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa bà T và ông H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà T đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H là có thật, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T, bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là Võ Nguyễn Tiến H1, sinh ngày 07/5/2017 và Võ Ngọc Như Y, sinh ngày 09/7/2020. Hiện nay cháu Y đang sống chung với bà T, cháu H1 đang sống chung với ông H. Ly hôn, bà T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, bà đồng Y giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T và ông H có đi làm, có thu nhập đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung là Võ Ngọc Như Y, sinh ngày 09/7/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Võ Nguyễn Tiến H1, sinh ngày 07/5/2017 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng . Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, bà T, ông H được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà T khởi kiện về ly hôn nên pH chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Võ Tiến H.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn đối với ông Võ Tiến H.

- Về con chung: Giao con chung Võ Ngọc Như Y, sinh ngày 09/7/2020 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Võ Nguyễn Tiến H1, sinh ngày 07/5/2017 cho ông Võ Tiến H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà T, ông H được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T pH chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009202 ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Lợi;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại